

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 831/2023/HSPT

Ngày: 13/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Minh Tuấn;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Vỹ, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1057/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Lò Văn Đ cùng các đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Các bị cáo có kháng cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo:

1. Họ và tên: Lê Quang V; tên gọi khác: Không; sinh ngày 30/10/2004; nơi sinh và đăng ký thường trú: Xóm S, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Văn V1 (đã chết) và bà Đỗ Thị T; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/01/2023 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị O, Luật sư Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh N; có mặt.

2. Họ và tên: Trịnh Thị T1; tên gọi khác: Không; sinh ngày 15/12/2005; nơi sinh và đăng ký thường trú: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trịnh Ngọc C và bà Phạm Thị T2; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 26/01/2023 đến ngày 02/02/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1978; trú tại: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị B, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh N; có mặt.

3. Họ và tên: Bùi Quang H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/3/2002; nơi sinh và đăng ký thường trú: Xóm S, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Bùi Văn K và bà Trần Thị N; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/3/2023 bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N ra quyết định khởi tố về tội “Giết người” đối với hành vi khác ngoài hành vi trong vụ án này; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2023 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Ngô Văn Q, Luật sư Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh N; có mặt.

4. Họ và tên: Bùi Văn N1; tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/5/2004; nơi sinh và đăng ký thường trú: Xóm S, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Bùi Văn K và bà Trần Thị N; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/01/2023 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Vũ Thị Sao M, Luật sư Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh N; có mặt.

5. Họ và tên: Vũ Thị T3; tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/4/2005; nơi sinh và đăng ký thường trú: Xóm D, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Văn Đ1 và bà Phạm Thị N2; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/01/2023 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị N, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh N; có mặt.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Trần Xuân T4; tên gọi khác: Không; sinh năm 2004; nơi sinh và đăng ký thường trú: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Văn T5 và bà Vũ Thị H1; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2023 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Thị V2, Luật sư Công ty L1, Đoàn Luật sư tỉnh N; có mặt.

2. Họ và tên: Phùng Văn D; tên gọi khác: Không; sinh năm 1989; nơi sinh và đăng ký thường trú: Xóm S, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề

nghiep: Lao động tự do; con bà Phùng Thị H2 (bị cáo không biết về bố, là con duy nhất trong gia đình; vợ: Lê Thị M1; có 01 con sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 30/6/2022, Công an xã H xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; bị tạm giữ từ ngày 27/01/2023 đến ngày 02/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- **Bị cáo không kháng cáo nhưng đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo:** Họ và tên: Lò Văn Đ; tên gọi khác: Không; sinh năm 26/7/2000; nơi sinh và đăng ký thường trú: Xóm S, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lò Văn X và bà Phùng Thị P; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/3/2023 bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N ra quyết định khởi tố về tội “Giết người” đối với hành vi khác ngoài hành vi trong vụ án này; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/01/2023 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Minh P1, Luật sư Văn phòng L2, Đoàn Luật sư tỉnh N; có mặt.

- **Người đại diện hợp pháp của người bị hại chị Phạm Ngọc Á (đã chết) có kháng cáo:**

1. Ông Phạm Văn D1; sinh năm 1975; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C1; sinh năm 1982; có mặt.

Cùng trú tại: Xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

- Trong vụ án còn có 02 bị cáo ,03 người bị hại không kháng cáo, không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2022, khi Trịnh Thị T1 đang có quan hệ yêu đương với Phạm Ngọc Phi H3, sinh ngày 23/4/2005, trú tại: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định thì đọc được tin nhắn giữa H3 và Phạm Ngọc Á, sinh ngày 29/6/2005, trú tại: Xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; T1 nghi ngờ H3 và Á có quan hệ tình cảm với nhau nên chủ động liên lạc qua tài khoản mạng xã hội Facebook “Trung Anh” của Á để tìm hiểu, sau đó T1 và Á nhiều lần cãi, chửi nhau qua mạng xã hội. Tối ngày 27/12/2022, T1 rủ Vũ Thị T3 và Nông Phương T6 đi cùng đến khu vực dong ngô gần nhà Á; T1 nhờ Vũ Hoàng M2 gọi Á ra để nói chuyện, khi Á đi ra thì T1 tát vào mặt và cùng T6 dùng tay chân đánh Á. Sau khi bị đánh, Á đã nhắn tin nói cho anh trai là Phạm Chung Đ biết; Đ đã gọi thông tin cho Vũ Hoàng M2 biết sự việc. Đến đầu tháng 01/2023, khi Phạm Chung Đ2 về nhà báo với M2 muốn 02 người đánh Á hôm trước đến gặp và xin lỗi; M2 nhận lời là sẽ gọi điện báo T1 đến xin lỗi.

Khoảng 21h30' ngày 25/01/2023, Phạm Ngọc Á cùng Phạm Chung Đ, Nguyễn Trường T7, Phạm Viết Đ3, Vương Thị S và Mai Văn M3 đi ăn uống tại quán ăn “Chị B1”, thị trấn N, huyện G. Cùng thời điểm này, Trịnh Thị T1 đang đi với Vũ Thị T3, Nông Phương T6, Lò Văn Đ, Bùi Quang H, Bùi Văn N1, Lê Quang V, Trần Xuân T4, Phùng Văn S1 và Phùng Đức M4 đến khu vực bờ hồ thị trấn N để uống nước. Do đã nhận lời với Phạm Chung Đ2 sẽ bảo T1 đến xin lỗi Á nên Vũ Hoàng M2 gửi hình ảnh vết xước ở khuỷu tay do M2 ngã xe và nói dối đó là vết thương do bị Phạm Chung Đ2 đánh; M2 bảo những ai đánh Á hôm trước ra gặp Phạm Chung Đ2 nói chuyện xin lỗi và nói là Phạm Chung Đ2 hẹn gặp ở nhà thờ G, mục đích của M2 là để hai bên gặp nhau giảng hòa.

Sau khi nhận được tin nhắn của M2, T1 gọi điện thoại hẹn gặp nhóm Á tại khu vực chùa N3, xã H. Nhóm T1 đi 03 xe máy (T1 điều khiển xe máy wave chở T6 và T3; T4 điều khiển xe máy wave chở Lò Văn Đ và V; S1 điều khiển xe máy vision chở M4, H và N1) đến cổng nghĩa trang xã H thuộc khu vực chùa N3, T1 liên lạc lại thì được nhóm Á hẹn gặp ở bờ hồ cạnh Đền liệt sỹ thị trấn N; T1 nói lại cho những người đi cùng biết. Lúc này, Lò Văn Đ bảo T4 chở về nhà và bảo T1 cùng mọi người đi ra trước, Đ sẽ đuổi theo sau. T4 điều khiển xe máy wave BKS: 18G1-49.159 chở Lò Văn Đ và V về nhà Đ. Khi về đến cổng nhà thì Đ bảo V và T4 trèo cổng vào trong khu vực bếp lấy con dao mèo, còn Đ đi tìm khẩu trang ở xung quanh. Do T4 biết Đ hay để con dao mèo ở bên trái của bếp chỗ cạnh đám lốp xe nên T4 nói và chỉ chỗ cho V tìm và lấy được con dao mèo (dài khoảng 70cm, chuôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, mũi nhọn, một lưỡi sắc) mang ra; V đưa dao cho T4 để đưa cho Đ. Đ cầm lấy dao và để dao nằm dọc theo hông xe máy phần giữa bô và giá đỡ chân của xe máy, rồi T4 điều khiển xe máy chở Đ và V quay lại khu vực nghĩa trang xã H. Trong lúc chờ Lò Văn Đ thì H đến tháo chiếc cờ đang treo trên cột điện cạnh cổng nghĩa trang H, tháo vút lá cờ xuống đường, còn bẻ cán cờ bằng tre dài khoảng 2m, đường kính khoảng 01cm ra làm 03 đoạn, N1 đến cầm lấy một đoạn, H cầm hai đoạn, ngồi lên xe của S1. Khi T4 chở Đ và V đi đến, không có ai nói về việc vừa về nhà Đ để lấy dao, mà cả nhóm cùng đi về hướng khu vực bờ hồ thị trấn N để gặp nhóm Á. Trên đường đi Đ bảo N1 đổi xe sang ngồi cùng với Đ, V sang xe của S1; T4 điều khiển xe chở Đ, N1 đi trước, theo sau là xe của T1 chở T6, T3 và cuối cùng là xe của S1 chở M4 ngồi trước, V và H ngồi sau cùng đi đến khu vực bờ hồ huyện G. Cùng thời điểm này nhóm Á đi 03 xe máy gồm Á, Phạm Chung Đ2, T7, Đ3 và S đã có mặt trước tại điểm hẹn ở khu vực bờ hồ đối diện cổng Đền L thị trấn N đứng chờ T1 đến nói chuyện; Á cùng với mọi người không ai mang theo đồ vật, hung khí gì.

Khi nhóm T1 đi đến khu vực đường trước cổng Đền L thị trấn N, do không biết mặt nhóm Á nên xe của T4, S1 đi qua chỗ nhóm Á đang đứng, còn xe T1 đi

đến chỗ nhóm Á thì dừng lại, T1, T6, T3 xuống xe. Thấy T1 dừng xe thì T4 cũng điều khiển xe chở Đ2, N1 quay lại chỗ T1 sát khu vực nhóm của Á đang đứng, còn S1 dừng xe lại ở đường cách chỗ nhóm Á đứng khoảng 15m quay lưng về phía nhóm Á. Lò Văn Đ cầm theo dao mèo cùng với N1 cầm gậy tre xuống xe, tiến đến chỗ nhóm Á; H, V, T4, M4 cũng xuống xe đi bộ đến chỗ nhóm của Á, chỉ có S1 ngồi nguyên trên xe máy. Khi nhóm Đ đi đến chỗ nhóm Á thì Đ3 đi ra hỏi: “Mấy anh em Hoàn S2 à”, Lò Văn Đ nói: “Đúng rồi”, Đ3 tiếp tục nói giọng thách thức: “ôi giời ôi, hộ hộ em cái” và cúi đầu xuống hướng về phía Lò Văn Đ. Ngay lập tức Đ cầm dao mèo trên tay phải vung dao chém từ phải sang trái nhằm vào vùng đầu của Đ3 trúng vào đỉnh chẩm trái gây ra vết thương dài 3cm, sâu 0,5cm. Thấy vậy N1, H cũng cầm gậy tre vụt đánh Đ3, sau đó V, T4 dùng tay không lao đến đánh những người khác trong nhóm Á. T1, T3 và T6 vào túm tóc Á và giằng co đánh nhau với Á. M4 thấy T1 và Á đánh nhau nên dơ chân đá vào chân Á nhưng không trúng, sau đó M4 đi ra gốc cây đứng nhìn rồi đi dần về phía xe máy của S2. Lò Văn Đ tiếp tục cầm dao đuổi đánh những người bên nhóm Á. Phạm Chung Đ2 thấy Đ3 bị chém nên bỏ chạy hướng lên vỉa hè, nhưng bị vấp vào bậc, bị ngã cúi người úp mặt xuống đất, lưng hướng lên phía trên, Đ2 cầm dao đuổi kịp vung dao chém trúng vào lưng Phạm Chung Đ2 gây ra vết thương ngang lưng dài 13cm. T4 lao đến dùng tay chân đánh nhau với nhóm Á. T7 bỏ chạy dưới lòng đường đến đứng quay mặt lên vỉa hè hướng ra hồ về phía Học và N1 đang đứng trên vỉa hè để can ngăn hai nhóm thì bị Lò Văn Đ1 chạy đến phía sau, vung dao bằng hai tay lên trên đầu chém từ trên xuống dưới, từ trái sang phải trúng vào vùng chẩm sau gáy T7 gây ra vết thương vùng chẩm gáy dài 10cm, gây chấn thương sọ não, vỡ xương vùng chẩm. T7 cúi người ôm đầu chạy lên vỉa hè. Đ3 lao đến ôm Học thì bị H và Ngọc v ngã xuống khu vực lề đường cạnh xe máy nhóm Á đang dừng đỗ. H và N1 dùng tay chân đâm đá Đ3. Lò Văn Đ cầm dao chạy đến chỗ T1, T6, T3 đang đánh nhau với Á. Lúc này Phạm Chung Đ2 cũng đi đến, Lò Văn Đ dơ dao lên chém, Phạm Chung Đ2 lùi lại để tránh thì bị V đuổi theo đâm 2-3 cái vào vai và cổ của Phạm Chung Đ. Thấy T1, T6 và T3 đang đánh nhau với Á, Á và T3 túm tóc kéo nhau ngã xuống lòng đường, T6 và T1 đâm đá Á để kéo T3 ra. Lò Văn Đ cầm dao chạy lại hô lên “bỏ ra” đồng thời dơ dao chém liên tiếp 2 nhát vào người Á rồi đẩy Á nằm ngửa ra đường, dơ dao lên đâm một nhát vào bụng, Á không buông T3 ra nên Lò Văn Đ tiếp tục chém hai phát vào người làm Á bị thương buông tay ra nằm dưới lòng đường. Trong lúc Lò Văn Đ đang tấn công Á, S2 ngồi trên xe máy quay lại nhìn thấy Đ cùng với T1, T6, T3 đang tấn công đánh Á. Bùi Văn H4 đi ra đứng giữa khu vực Á với nhóm Phạm Chung Đ2, Đ3, T7 ở trên vỉa hè. Học rút con dao hình lưỡi liềm mang theo từ trước ở trong túi áo ra dơ lên ngăn không cho nhóm Phạm Chung Đ2 tiến tới. Sau khi Á bị Lò Văn Đ đâm, chém nằm dưới lòng đường thì T1, T6 và T3 vẫn tiếp tục tiến tới

dùng chân đạp nhiều phát vào người và đầu Á. Sau đó Lò Văn Đ, T3 lên xe máy do T4 điều khiển; T1, T6 lên xe máy do N1 điều khiển; M4, V, H4 lên xe máy do S2 điều khiển bỏ đi về hướng nhà Lò Văn Đ. Trên đường đi về, H4 rút con dao hình lưỡi liềm xuống sông khu vực cầu D. N1 đưa đoạn gậy tre vừa sử dụng đánh nhóm Á cho T1 cầm, T1 rút xuống đường khu vực xóm S, xã H. Sau khi đi về khu vực nhà Lò Văn Đ thì giải tán đi về nhà, còn Lò Văn Đ và T3 ở trong nhà Lò Văn Đ.

Lò Văn Đ cầm dao mèo đi sang sân nhà anh họ là Phùng Văn D ở sát cạnh nhà. Lò Văn Đ đưa dao và nói vừa chém người khác xong, nhờ rút đi hộ nhưng D không rút. Đúc xin tiền D để bỏ trốn thì được D đưa cho 1.000.000 đồng. Lúc này T3 gọi nhờ Phùng Văn T8 đến đón về, T3 không nói cho T8 biết vụ việc vừa xảy ra. T8 đi xe máy đến cổng nhà thì Lò Văn Đ1 gặp nhờ chở ra nghĩa trang H; Lò Văn Đ cũng không nói cho T8 biết việc vừa xảy ra. Trên đường đi Đ giấu con dao mèo trong áo và đã bỏ dao ra rút xuống bụi cây ven đường; T8 chở Đ1 đến nghĩa trang H thì đi về, một lúc sau thì H4 đi xe đến đón Đ. Sau khi Đ đi khỏi nhà, T3 đi sang xin mẹ D cho ngủ nhờ. Khi cơ quan công an đến hỏi D để tìm Đ nhiều lần, thông báo rõ cho D biết việc Đ1 sử dụng dao đánh nhau làm chết một người vào đêm ngày 25/01/2023 nhưng D nói không gặp Đ1 và không nói việc T3 đang ngủ trong nhà D và thông tin về con dao mà Đ gây án.

Khoảng 2h ngày 26/01/2023, sau khi biết thông tin Á đã chết thì Lò Văn Đ1, H4, T4, V, N1, S2, M4 rủ nhau đi 02 xe máy bỏ trốn lên Hà Nội đến phòng trọ của H4 ở quận B ngủ; đến 8h cùng ngày H4 và T4 ở lại phòng trọ; Lò Văn Đ, N1, V đến bến xe N lên ô tô khách bỏ trốn vào miền N; S2 và M4 đi về nhà ở huyện G, Thành phố Hà Nội.

Phạm Ngọc Á bị thương được đưa đến Trung tâm y tế huyện G thì xác định đã chết trên đường đi cấp cứu; Nguyễn Trường T7, Phạm Chung Đ và Phạm Viết Đ3 bị thương phải vào Trung tâm Y tế huyện G và Bệnh viện Đa khoa tỉnh N cấp cứu và điều trị.

Hiện trường nơi xảy ra sự việc tại đoạn đường trước cổng Đền L huyện G. Đường trải nhựa bằng phẳng rộng 9m, phía T hướng ra đường tỉnh lộ 489, phía Đông Bắc giáp Đền L, phía Tây Nam giáp hồ nước, phía Đông Nam hướng ra đường vòng quanh hồ. Hai bên đường là vỉa hè rộng 3,3m, cao so với mặt đường 20cm. Trên vỉa hè phía Tây Nam (vỉa hè giáp hồ nước) trồng hàng cây xanh, các gốc cây được xây bồn cao 18 cm. Bồn cây có thứ tự số 3 tính từ tỉnh lộ 489 vào (cách tỉnh lộ 489 là 14,5 mét) có kích thước (2x1,7)m, mặt trên và xung quanh bồn cây lát gạch hoa, đá. Mặt vỉa hè tại khu vực bồn cây số 3 và trong bồn cây số 3 phát hiện đám màu nâu đỏ dạng nhỏ giọt kích thước (1,1x0,9)m, lẫn trong đám màu nâu đỏ có nhiều sợi lông tóc. Trên lá cây có bám dính nhiều chất màu nâu đỏ dạng nhỏ giọt, dạng đọng (vị trí số 1). Trên mặt vỉa hè từ vị trí bồn cây số 3 về hướng Đ phát

hiện đám chất màu nâu đỏ dạng nhỏ giọt kích thước (10,8x2,2)m (vị trí số 2). Trên mặt đường khu vực ngay trước cổng Đèn L tại vị trí cách vỉa hè Tây Nam 0,6m, cách bồn cây số 3 là 12,1m phát hiện đám chất màu nâu đỏ dạng nhỏ giọt kích thước (45x4)cm. Tại khu vực này có miếng kim loại màu bạc kích thước (5x3,5)cm, một mặt của miếng kim loại có hình con rồng, đầu miếng kim loại có móc treo (vị trí số 3). Cách đám chất màu nâu đỏ tại vị trí số 3 là 5,9m, cách vỉa hè phía Tây Nam 2,1m, trên mặt đường phát hiện đám chất màu nâu đỏ dạng nhỏ giọt kích thước (19x8,5)cm. Xung quanh đám chất màu nâu đỏ là đám chất lỏng loang, kích thước (1,44x0,9)cm. Cạnh đám chất màu nâu đỏ phát hiện các sợi tóc dài và các mảnh nhựa dạng móng tay giả màu đen, trắng (vị trí số 4). Cách đám chất màu nâu đỏ tại vị trí số 4 là 1,2m cách vỉa hè phía Tây Nam 70cm phát hiện các sợi tóc trên mặt đường. Cạnh sợi tóc có mảnh ni đệm màu đen bị dập vỡ, mảnh to nhất kích thước (16x13)cm (vị trí số 5). Trên mặt đường phát hiện các đoạn gậy dạng tre nứa, đã bị gãy vỡ, dập. Đoạn gậy lớn nhất có đường kính 2,3cm, các đoạn gậy trên diện tích (5,8x2,7)m, điểm đầu cách vỉa hè Tây Nam 0,72m. Trên một số đoạn gậy phát hiện các chất màu nâu đỏ dạng nhỏ giọt. Ghép các đoạn gậy vào với nhau được một đoạn dài 1,7m (vị trí số 6). Trên mặt vỉa hè tại vị trí cách bồn cây thứ 3 là 6,9m về phía T tình lộ 489, cách mép vỉa hè 3,5m phát hiện giọt màu nâu đỏ kích thước (1x1)m (vị trí số 7).

Kết quả khám nghiệm tử thi Phạm Ngọc Á.

Khám ngoài: Kết giác mạc hai mắt trắng nhợt, niêm mạc môi dưới bầm tím kích thước (0,2x0,2)cm; Vành tai trái bầm tím trợt da kích thước (3x1,5)cm; Vùng ngực phải trong núm vú có đám thay đổi màu sắc da kích thước (3,5x2,5)cm; Vùng ngực trái phía trong núm vú có đám thay đổi màu sắc da kích thước (3,5 x2)cm; Mặt trên ngoài vai trái có vết in ấn trợt da tụ máu kích thước (4x3); Vùng hố chậu phải cách rốn 5cm có đám tạng rỗng lòi ra khỏi ổ bụng kích thước (9x9)cm, thành bên mặt trên đám tạng rỗng có vết rách thủng kích thước (2x2)cm; Mặt sau cổ tay phải có đám in ấn trợt da hình vòng cung không liên tục kích thước (3x3)cm; Mặt mu bàn tay phải, các ngón tay có nhiều vết trợt da nông kích thước (9x7)cm; Móng tay ngón 4 bàn tay phải bong tróc chảy máu; mặt sau cổ tay trái có vết trợt da cơ nằm ngang kích thước (4,2x0,2)cm; Đầu gối phải có vết trợt da nông kích thước (3x1)cm; Móng tay ngón 3 bàn tay trái bong tróc chảy máu; Mặt sau vai phải có vết rách thủng da cơ bờ mép tương đối gọn kích thước (1,6x0,7)cm. Cách vết này xuống dưới 01cm có vết thủng da cơ bờ mép gọn kích thước (2,5x1)cm, mép ngoài phía trên có gờ trợt da nhỏ; Vết thủng da cơ tại vùng hố chậu phải bờ mép sắc gọn kích thước (3,5x1)cm, góc nhọn ở phía trong.

Mổ tử thi: Tương ứng với vết rách thủng da cơ hố chậu phải có vết rách thủng da cơ, phúc mạc. Tụ máu gốc mạc treo hồng tràng, ở giữa có vết rách thủng kích

thước (2,1x0,2)cm. Vết rách thủng tới gốc động mạch màng treo dưới. Buồng trứng phải kích thước (4,5x2x1,5)cm. Buồng trứng trái kích thước (3,5x2x1,5) cm. Ống dẫn trứng trái có 01 dị vật màu trắng trong kích thước (0,3x0,2)cm. Tử cung kích thước (5,5x4,5x2)cm; trong buồng tử cung không chứa gì. Mở rộng vết thương vùng vai phải: Tụ máu dưới da cơ, lỗ thủng da cơ sâu tới xương bả vai, chiều từ dưới lên trên. Hệ thống xương lồng ngực vững, hệ thống xương tứ chi không dập gãy, khung chậu vững.

Kiểm tra trang phục của tử thi Á xác định: Áo len dài tay mặt trước bên phải áo tại vị trí cách gấu áo 7cm, cách đường chỉ nách phải 5cm có vết rách thủng dài 03cm bờ mép sắc gọn. Chéch từ dưới lên trên mặt sau áo có 02 vết rách thủng bờ mép sắc gọn. Vết 01 cách gấu áo 50cm, cách đường chỉ vai phải 21cm, dài 03cm. Vết 2 dài 03cm bên trên vết 01 là 2,1cm. Áo thun dài tay màu trắng, mặt sau áo có 02 vết rách thủng, bờ mép sắc gọn. Vết 01 dài 03cm, cách gấu áo 41cm, cách đường chỉ vai phải 05cm. Vết 02 dài 1,8cm, bên dưới vết 01 là 0,5cm. Áo khoác lông màu trắng đen: Mặt sau áo có 02 vết rách thủng bờ mép sắc gọn. Vết 01 cách gấu áo 45cm, cách đường chỉ vai phải 19cm, dài 3cm. Vết 02 dài 3,5cm. cách gấu áo 47cm, cách đường chỉ vai phải 23cm.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã trưng cầu giám định ADN, trưng cầu mô bệnh học, trưng cầu giám định xác định nguyên nhân chết của nạn nhân Phạm Ngọc Á, trưng cầu giám định thương tích đối với Nguyễn Trường T7, Phạm Chung Đ2, Phạm Viết Đ3.

- Tại Bản kết luận giám định số 98/23/TC-ADN ngày 08/02/2023 của V3 kết luận:

+ Không phát hiện dấu vết tinh dịch, không thu được dữ liệu ADN nam giới từ mẫu dịch thu trong âm đạo Phạm Ngọc Á.

+ ADN thu từ mẫu tại vị trí số 1, 2, 7 trên hiện trường trùng khớp với ADN của Nguyễn Trường T7.

+ AND thu mẫu tại vị trí số 3 trên hiện trường và trên các đoạn gậy dạng tre, nứa thu mẫu tại vị trí số 6 trên hiện trường trùng khớp với ADN của Phạm Viết Đ3.

+ ADN thu mẫu tại vị trí số 4 trên hiện trường trùng khớp với ADN của Phạm Ngọc Á.

+ ADN thu trên con dao mèo hiện diện đầy đủ các alen của Phạm Ngọc Á và Nguyễn Trường T7.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về mô bệnh học số 26/23/MBH ngày 22/02/2023 của V3 kết luận: Buồng trứng cấu trúc bình thường.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 260/KL-KTHS ngày 29/3/2023 của Phòng KTHS Công an tỉnh N, kết luận: Nạn nhân Phạm Ngọc Á chết do vết thương thấu bụng, chảy máu trong. Cơ chế: Vết thương vùng bụng, vai phải do vật

cứng, sắc tác động.

- Tại Bản kết luận giám định số 120/KLTTCT-TTPY ngày 28/4/2023 của Trung tâm giám định Pháp y Sở Y tế tỉnh H kết luận: Sẹo trung bình vùng lưng không ảnh hưởng đến chức năng, sung nề đỉnh đầu phải và mu bàn tay trái điều trị ổn định, xây xát da vai phải điều trị không để lại dấu vết thương tích. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Chung Đ2 tại thời điểm giám định là 02%. Cơ chế: Rách da vùng lưng do vật sắc tác động trực tiếp gây nên, xây xát da do vật có góc cạnh tác động trực tiếp gây nên, sung nề vùng đầu do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

- Tại Bản kết luận giám định số 122/KLTTCT-TTPY ngày 28/4/2023 của Trung tâm giám định Pháp y Sở Y tế tỉnh H kết luận: Sẹo nhỏ vùng mặt (cung mày) không ảnh hưởng chức năng, sẹo nhỏ vùng đầu không ảnh hưởng chức năng, vết biến đổi rối loạn sắc tố da má trái, xây xát da gò má phải, điều trị không để lại dấu vết thương tích. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Viết Đ3 tại thời điểm giám định là 05%. Cơ chế: Rách da vùng đầu do vật sắc tác động trực tiếp gây nên, rách da vùng mặt do vật có cạnh tác động trực tiếp gây nên, xây xát da do vật có góc cạnh tác động trực tiếp gây nên.

- Tại Bản kết luận giám định số 121/KLTTCT-TTPY ngày 08-5-2023 của Trung tâm giám định Pháp y Sở Y tế tỉnh H kết luận: Mẻ ngoài xương sọ, chiều dài từ 03cm trở xuống, sẹo lớn vùng chẩm không ảnh hưởng đến chức năng. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Trường T7 tại thời điểm giám định là 09%. Cơ chế: Thương tích do vật sắc tác động trực tiếp gây nên.

- *Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 71/2023/TB-TA ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định:*

+ Căn cứ các điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự; Án lệ số 47/2021/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 25/11/2021 và được công bố theo Quyết định số 594/QĐ-CA ngày 31/12/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với các bị cáo: Lò Văn Đ, Trịnh Thị T1, Vũ Thị T3, Bùi Quang H, Trần Xuân T4, Bùi Văn N1, Lê Quang V; căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Lò Văn Đ, Trịnh Thị T1, Vũ Thị T3, Bùi Văn N1, Lê Quang V; căn cứ thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo: Trịnh Thị T1; căn cứ các Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Trịnh Thị T1, Vũ Thị T3; căn cứ Điều 40 Bộ luật Hình sự đối với riêng bị cáo Lò Văn Đ,

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn Đ, Trịnh Thị T1, Vũ Thị T3, Bùi Quang H, Trần Xuân T4, Bùi Văn N1, Lê Quang V phạm tội “Giết người”.

Xử phạt: Bị cáo Lò Văn Đ “Tử hình”.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Thị T1 08 (Tám) năm tù.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị T3 09 (Chín) năm tù.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Quang H 11 (Mười một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân T4 11 (Mười một) năm tù.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn N1 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang V 10 (Mười) năm tù.

+ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 389, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phùng Văn D phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Xử phạt: Bị cáo Phùng Văn D 06 (Sáu) tháng tù.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo Phùng Văn S1, Nông Phương T6, quyết định xử lý vật chứng, án phí, trách nhiệm bồi thường dân sự, thông báo quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 25/7/2023 bị cáo Lê Quang V có đơn kháng cáo, ngày 26/7/2023 bị cáo Trịnh Thị T1 có đơn kháng cáo, ngày 27/7/2023 các bị cáo Trần Xuân T4 và Vũ Thị T3 có đơn kháng cáo, ngày 01/8/2023 bị cáo Bùi Quang H có đơn kháng cáo, ngày 02/8/2023 bị cáo Bùi Văn N1 có đơn kháng cáo cùng với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 31/7/2023 bị cáo Phùng Văn D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; ngày 26/7/2023 ông Phạm Văn D1 và bà Nguyễn Thị C1, đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Lò Văn Đ, Trịnh Thị T1, Vũ Thị T3, Lê Quang V, Bùi Quang H, Bùi Văn N1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phùng Văn D rút toàn bộ đơn kháng cáo.

- Các bị cáo Lê Quang V, Trịnh Thị T1, Trần Xuân T4, Vũ Thị T3, Bùi Quang H, Bùi Văn N1, ông Phạm Văn D1 và bà Nguyễn Thị C1, đại diện hợp pháp của người bị hại giữ nguyên đơn kháng cáo.

- Các bị cáo đều trình bày thừa nhận hành vi phạm tội, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người đúng tội, không oan nhưng xin cấp phúc thẩm xem xét, giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Trịnh Thị T1 và bị cáo Vũ Thu T10 trình bày mỗi bị cáo đã nộp số tiền 3.050.000 đồng; bị cáo Trần Xuân T4 trình bày đã nộp số tiền 23.300.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định; bị cáo Vũ Thu T10 trình bày hiện đang mang thai.

- Bị cáo Lò Văn Đ trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo là đúng người đúng tội, không oan nhưng xin cấp phúc thẩm xem xét trước khi phạm tội bị cáo có uống nhiều rượu, khi gặp nhóm bên bị hại

thì Phạm Viết Đ3 có lời nói và cử chỉ thách thức nên bị cáo mới dùng dao chém nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ông Phạm Văn D1 và bà Nguyễn Thị C1, đại diện hợp pháp của người bị hại trình bày: Gia đình các bị cáo Lò Văn Đ, Trịnh Thị T1, Vũ Thị T3, Lê Quang V, Bùi Quang H, Bùi Văn N1 đã có ý thức, trách nhiệm bồi thường và thăm hỏi đối gia đình nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đối với bị cáo T4 và T6 đề nghị giữ nguyên mức hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo Lê Quang V, Trịnh Thị T1, Trần Xuân T4, Vũ Thị T3, Bùi Quang H, Bùi Văn N1, Phùng Văn D và kháng cáo của ông Phạm Văn D1, bà Nguyễn Thị C1, đại diện hợp pháp của người bị hại là trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Phùng Văn D rút đơn kháng cáo là sự tự nguyện, phù hợp pháp luật nên đề nghị chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

+ Về nội dung: Tại phiên toà các bị cáo Lò Văn Đ, Trịnh Thị T1, Vũ Thị T3, Bùi Quang H, Trần Xuân T4, Bùi Văn N1, Lê Quang V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với kết quả điều tra, truy tố và xét xử của cấp sơ thẩm. Các bị cáo Bùi Quang H, Bùi Văn N1, Lê Quang V không có tình tiết giảm nhẹ mới; các bị cáo Trịnh Thị T1, Trần Xuân T4 xuất trình tài liệu đã nộp tiền án phí và tiền bồi thường nhưng xét thấy hậu quả của hành vi phạm tội các bị cáo gây ra đặc biệt nghiêm trọng; mức hình phạt đối với bị cáo T4 là còn nhẹ so với bị cáo H, nếu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thì mức hình phạt không công bằng đối với các bị cáo khác trong vụ án nên đề nghị giữ nguyên hình phạt bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Lò Văn Đ, mặc dù đại diện hợp pháp người bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng nhân thân bị cáo là xấu, bị cáo là người trực tiếp gây nên hậu quả làm người bị hại chết, hình phạt đã áp dụng là cần thiết nên đề nghị giữ nguyên mức hình phạt. Đối với bị cáo Vũ Thị T3, tại cấp phúc thẩm đã nộp thêm tiền án phí và tiền bồi thường, bị cáo đang mang thai và khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Quang H, Bùi Văn N1, Lê Quang V, Trịnh Thị T1, Trần Xuân T4 và kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị T3, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù và sửa bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Quang V trình bày: Bị cáo V tham gia với vai trò đồng phạm, vị trí là thấp nhất so với các bị cáo khác, vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo còn rất ít tuổi, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo không có

ý thức tước đoạt mạng sống của những người bị hại, có nhân thân tốt nên đề nghị chấp nhận kháng cáo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Trịnh Thị T1 trình bày: Bản án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là đúng nhưng bị cáo có tuổi đời còn rất trẻ, là con duy nhất trong gia đình, khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải, gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, đã bồi thường đầy đủ số tiền bồi thường dân sự và đã nộp thêm 3.050.000 đồng nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Thị T3 trình bày: Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật hạn chế, đã bồi thường đủ số tiền bồi thường cho gia đình bị hại và gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Văn N1 trình bày: Bị cáo không có mâu thuẫn gì với các bị hại, không phải là người gây thương tích và gây nên cái chết cho người bị hại, gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên đề nghị xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Quang H trình bày: Bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm, gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại và gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Xuân T4 trình bày: Bị cáo là người không có hành vi tác động gì gây nên cái chết của người bị hại, vai trò tham gia trong vụ án của bị cáo là đồng phạm ít nguy hiểm, không có động cơ, mục đích phạm tội mà chỉ đi theo các bị cáo khác, gia đình bị cáo đã có ý thức khắc phục bồi thường nhưng gia đình bị hại không đồng ý nhận nên tại phiên tòa hôm nay đã nộp tiền án phí và tiền bồi thường cho gia đình bị hại tổng cộng là 23.300.000 đồng; mức hình phạt bản án sơ thẩm đã xử bị cáo là quá nghiêm khắc nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Lò Văn Đ trình bày: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, gia đình đã bồi thường cho gia đình bị hại, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, gia đình người bị hại có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị xem xét, khoan hồng cho bị cáo được xét xử mức án có điều kiện để cải tạo, trở về với cộng đồng xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[1.2] Kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của đại diện hợp pháp người bị hại là trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Phùng Văn D rút toàn bộ đơn kháng cáo; xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo là sự tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Phùng Văn D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tội danh: Tại phiên toà phúc thẩm, Lò Văn Đ và các bị cáo có kháng cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, đều thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội, không oan.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ có đủ cơ sở kết luận: Tối ngày 25/01/2023, khi biết được giữa Trịnh Thị T1 và Phạm Ngọc Á có mâu thuẫn với nhau, có hẹn nhau gặp để giải quyết mâu thuẫn thì Lò Văn Đ cùng Nông Phương T6, Vũ Thị T3, Lê Quang V, Trần Xuân T4, Bùi Quang H, Bùi Văn N1, Phùng Văn S1 và Phùng Văn M5 cùng nhau đi đến điểm hẹn là khu vực bờ hồ đối diện với Nghĩa trang Liệt sỹ huyện G. Trong quá trình đi đến điểm hẹn, các bị cáo không bàn bạc gì về việc chuẩn bị hung khí và việc đánh nhau; trên đường Đ bảo T4 chở Đ và V về nhà Đ lấy con dao dạng dao mèo (dài khoảng 70cm, chuôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, mũi nhọn, lưỡi sắc); Học lấy cán cò bằng tre (có kích thước dài khoảng 02m, đường kính 01cm) bẻ ra làm 03 đoạn, H cầm 02 đoạn, N1 cầm 01 đoạn mang theo. Khi cả nhóm đến điểm hẹn gặp nhóm của Phạm Ngọc Á thì nhóm bên Á có Phạm Viết Đ3 có lời nói thách thức nên Lò Văn Đ dùng dao chém vào vùng đầu của Đ3 gây ra vết thương dài 03cm tại đỉnh cằm; cùng lúc đó H và N1 cầm gậy tre cùng với V, T4 sử dụng chân, tay lao vào đánh những người trong nhóm của Á; còn T1, T3, T6 xông vào đánh nhau với Á. Sau khi chém Đông xong, Lò Văn Đ tiếp tục dùng dao chém vào ngang lưng của Phạm Chung Đ2 gây ra vết thương dài 30cm, chém vào vùng đầu của Nguyễn Trường T7 gây chấn thương sọ não, vỡ xương vùng cằm; nhìn thấy T1, T3, T6 đang đánh nhau với Á thì Đ2 đã dùng dao lao vào chém nhiều nhát vào người, đâm 01 nhát thấu bụng của Á, khi Á ngã nằm dưới lòng đường thì T1, T6, T3 tiếp tục dùng chân đạp nhiều nhát vào người và đầu của Á. Hậu quả Phạm Ngọc Á chết, anh Nguyễn Trường T7 bị thương giám định là 09%; anh Phạm Chung Đ2 bị thương

giám định là 02%; anh Phạm Viết Đ3 bị thương giám định là 05%. Giữa Lò Văn Đ và những người bị hại không quen biết, không có mâu thuẫn gì với nhau; vị trí thương tích của các bị hại bị Lò Văn Đ dùng dao chém, đâm là các vùng trọng yếu trên cơ thể người, anh Đ3, anh T7, anh Phạm Chung Đ2 không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo Đ2; hành vi phạm tội của Lò Văn Đ thuộc trường hợp có tính chất côn đồ và phạm tội đối với nhiều người. Trịnh Thị T1, Vũ Thị T3, Bùi Quang H, Trần Xuân T4, Bùi Văn N1, Lê Quang V là những người cùng Lò Văn Đ tham gia đánh nhau nên là đồng phạm với Lò Văn Đ. Phùng Văn S1 là người chở các bị cáo đi cùng nhưng không biết về mâu thuẫn, không được rủ đi để đánh nhau, khi Đ về lấy hung khí để đi đánh nhau thì S1 không biết, không tham gia đánh nhau nhưng S1 đã chứng kiến việc Đ dùng dao mào đâm, chém làm chị Phạm Ngọc Á tử vong nhưng không tố giác tội phạm. Phùng Văn D là người biết Lò Văn Đ đâm chém người khác do được Lò Văn Đ nói cho biết và cho Lò Văn Đ số tiền 1.000.000 đồng để bỏ trốn và là người cho Vũ Thu T10 ngủ nhờ trong nhà; khi được cơ quan chức năng gọi hỏi thì không khai báo trung thực những nội dung biết liên quan đến Lò Văn Đ và Vũ Thu T10.

Do đó, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Lò Văn Đ, Trịnh Thị T1, Vũ Thị T3, Bùi Quang H, Trần Xuân T4, Bùi Văn N1, Lê Quang V về tội “Giết người” theo các điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại. Các bị cáo có đủ khả năng nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Trong đó, Lò Văn Đ là người thực hành tích cực và quyết liệt nhất, là người chuẩn bị và sử dụng hung khí nguy hiểm (con dao) chém nhiều nhát vào các vùng trọng yếu trên cơ thể của nhiều người, hậu quả làm chị Phạm Ngọc Á bị tử vong, anh Phạm Viết Đ3, anh Nguyễn Trường T7, anh Phạm Chung Đ2 bị thương nên phải chịu trách nhiệm chính; các bị cáo Trịnh Thị T1, Nông Phương T6, Vũ Thị T3, Trần Xuân T4, Lê Quang V, Bùi Quang H và Bùi Văn N1 tiếp nhận ý chí, cùng xông vào đánh Á và những người đi cùng nhóm của Á nên là những người đồng phạm với vai trò thực hành, có vị trí thực hiện tội phạm ít nguy hiểm hơn Lò Văn Đ.

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo; các tình tiết về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự; xét thấy mức hình phạt bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp và có căn cứ pháp luật; đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự mới có ý nghĩa để xem xét giảm nhẹ hình phạt. Riêng các bị cáo Vũ Thị T3, Trịnh Thị T1, Trần Xuân T4 xuất trình tài liệu đã nộp tiền án phí và tiền bồi thường cho gia đình người bị hại tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định nhưng xét thấy mức hình phạt bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với hậu quả hành vi phạm tội các bị cáo gây ra nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo nhưng ghi nhận việc các bị cáo đã nộp các tiền để đối trừ nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

[3] Trước khi xét xử sơ thẩm, gia đình các bị cáo Lò Văn Đ, Trịnh Thị T1, Vũ Thị T3, Lê Quang V đã bồi thường cho gia đình người bị hại một số khoản tiền tương đối lớn so với mức các bị cáo phải bồi thường và các bị cáo Trịnh Thị T1, Vũ Thị T3, Bùi Quang H, Trần Xuân T4, Bùi Văn N1, Lê Quang V, Nông Phương T6 được xét xử dưới khung hình phạt bị truy tố, xét xử nhưng bản án sơ thẩm không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự là thiếu sót nên cấp phúc thẩm sửa lại cho phù hợp. Các sai sót này của bản án sơ thẩm là không nghiêm trọng, không làm thay đổi nội dung, bản chất vụ án; không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của đại diện hợp pháp người bị hại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Vũ Thu T10 của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhưng sửa bản án sơ thẩm như đã nhận định nêu trên.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Bị cáo Phùng Văn D và đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Trịnh Thị T1, Bùi Quang H, Trần Xuân T4, Bùi Văn N1, Lê Quang V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo Phùng Văn D; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Quang V, Trịnh Thị T1, Trần Xuân T4, Vũ Thị T3, Bùi Quang H, Bùi Văn N1 và kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại ông Phạm Văn D1, bà Nguyễn Thị C1. Giữ nguyên Bản án hình sự

sơ thẩm số 75/2023/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định như sau:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Phùng Văn D; các quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Phùng Văn D có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lò Văn Đ, Trịnh Thị T1, Vũ Thị T3, Bùi Quang H, Trần Xuân T4, Bùi Văn N1, Lê Quang V phạm tội “Giết người”.

3. Về hình phạt: Căn cứ vào các điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự; Án lệ số 47/2021/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 25/11/2021 và được công bố theo Quyết định số 594/QĐ-CA ngày 31/12/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với các bị cáo: Lò Văn Đ, Trịnh Thị T1, Nông Phương T6, Vũ Thị T3, Bùi Quang H, Trần Xuân T4, Bùi Văn N1, Lê Quang V; căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Lò Văn Đ, Trịnh Thị T1, Vũ Thị T3, Bùi Văn N1, Lê Quang V; căn cứ thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Trịnh Thị T1, Nông Phương T6; căn cứ các Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Trịnh Thị T1, Vũ Thị T3; căn cứ Điều 40 Bộ luật Hình sự đối với riêng bị cáo Lò Văn Đ; căn cứ Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Lê Quang V, Trịnh Thị T1, Trần Xuân T4, Vũ Thị T3, Bùi Quang H, Bùi Văn N1, Nông Phương T6; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Lò Văn Đ, Trịnh Thị T1, Vũ Thị T3, Lê Quang V, Trần Xuân T4.

3.1. Xử phạt bị cáo Lò Văn Đ: “Tử hình”, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

3.2. Xử phạt bị cáo Trần Xuân T4: 11 (Mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/01/2023.

3.3. Xử phạt bị cáo Bùi Quang H: 11 (Mười một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/01/2023.

3.4. Xử phạt bị cáo Bùi Văn N1: 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/01/2023.

3.5. Xử phạt bị cáo Lê Quang V 10 (Mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/01/2023.

3.6. Xử phạt bị cáo Vũ Thị T3: 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2023.

3.7. Xử phạt bị cáo Trịnh Thị T1: 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 26/01/2023 đến ngày 02/02/2023.

3.8. Xử phạt bị cáo Nông Phương T6 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày

26/01/2023 đến ngày 02/02/2023.

3. Ghi nhận các bị cáo Vũ Thị T3, Trịnh Thị T1, mỗi người đã nộp số tiền 3.050.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0004109 và 0004110 cùng ngày 10/11/2023; bị cáo Trần Xuân T4 đã nộp số tiền 23.300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0004113 ngày 13/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định.

4. Về án phí:

- Các bị cáo Lê Quang V, Trịnh Thị T1, Trần Xuân T4, Bùi Quang H, Bùi Văn N1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Phùng Văn D, ông Phạm Văn D1 và bà Nguyễn Thị C1 không phải chịu phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- CA tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA, HCTP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng